| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2026/KDTM-PT
Ngày 21-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và Hợp đồng thi công

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Phi Yến

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Tuấn
Bà Trần Thị Bé

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tú Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng thi công. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12/2026/QĐPT-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH C1; Địa chỉ: B H, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hồng Á, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH C1; Địa chỉ: A L, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hà T, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Lê Hà T, sinh năm: 1983, địa chỉ: A L, phường A, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Ông Bùi Ngọc H, địa chỉ: A Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3. Ông Diệp Tấn Thái H1, sinh năm: 1984, là chủ Vườn Ươm H; Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

4. Ông Phạm Việt H2, sinh năm: 1960, địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

+ Ông Võ Ngọc K, sinh năm: 1988, địa chỉ: Ấp T, Đ, xã A, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn Công ty TNHH C1, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng Á trình bày:*

Công ty TNHH C1 và Công ty TNHH C1 đã ký kết các Hợp đồng mua bán hàng hóa và Hợp đồng thi công như sau:

1. Ngày 07/5/2022, Công ty TNHH C1 (bên bán, bên B) và Công ty TNHH C1 (bên mua, bên A) ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP kèm theo Phụ lục 01, 02; Dự án: Khu đô thị V - Đ; Hạng mục: Cung ứng và trồng cây xanh; Địa điểm: Hòa Quý, N, thành phố Đà Nẵng; Với tổng giá trị là 566.825.000 đồng, trong đó: cây dừa là 242 cây tương ứng với giá trị 525.140.000 đồng, 25 cây bàn tương ứng với giá trị 37.500.000 đồng, 09 cây hồng giá trị 1.620.000 đồng, 57 cây nhung Nhật giá trị 2.565.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán đã cung cấp đủ 242 cây theo Biên bản số 01/2022/NTCX nghiệm thu cây và trồng cây năm 2022 (không ghi ngày tháng). Theo phương thức thanh toán của hợp đồng thì bên mua phải thanh toán 70% giá trị mục hàng cây dừa tương ứng với số tiền là 367.598.000 đồng; đã nghiệm thu ngày 31/8/2022. Đến ngày 28/10/2022, bên bán đã xuất hóa đơn với giá trị 225.680.000 đồng nhưng bên mua mới trả 157.976.000 đồng; còn nợ 30% bảo hành trong 104 cây bên bán không yêu cầu bên mua chi trả. Bên bán yêu cầu bên mua chi trả 70% của 138 cây còn lại với số tiền 209.622.000 đồng, đối với 30% bảo hành trong 138 cây bên bán không yêu cầu bên mua chi trả.

Về cây bàn lá nhỏ, theo hợp đồng 25 là cây. Khi nhập cây thì sai quy cách bầu, bên mua yêu cầu bên bán đem về dâm thêm cho đủ quy cách. Sau đó đã đảm bảo bên mua chỉ nhận 10 cây, đã bàn giao và nghiệm thu theo Biên bản giao nhận không ghi ngày tháng năm 2023 (có hình ảnh và tin nhắn kèm theo), tương ứng với giá trị 15.000.000 đồng chưa trả.

Tổng cộng số tiền Công ty TNHH C1 chưa thanh toán nợ gốc là 224.622.000đ (chưa xuất hoá đơn) và lãi tính từ ngày 31/8/2022 đến 23/6/2025 là 33 tháng 23 ngày với số tiền 63.170.000 đồng.

2. Ngày 28/5/2022 giữa Công ty TNHH C1 và Công ty TNHH C1 ký kết Hợp đồng mua bán số:02/2022/HĐ/ĐCST-CLP kèm theo Phụ lục 01; Dự án: Khu đô thị ven sông H - Đ; Hạng mục: Cung ứng và trồng cây xanh; Địa điểm: Hòa Quý, N, thành phố Đà Nẵng; Với tổng giá trị 268.400.000 đồng, gồm có 88 cây Sala.

Đến ngày 22/6/2022, hai bên lập Biên bản số 01/2022/NTCX nghiệm thu cây và trồng cây, bàn giao 88 cây Sala. Theo phương thức thanh toán của hợp đồng thì bên mua phải thanh toán 70% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán cung cấp đủ một phần hoặc toàn bộ số lượng hàng hóa. Kể từ ngày nghiệm thu công trình cho đến nay bên Công ty TNHH C1 vẫn chưa thanh toán số tiền 70% giá trị tài sản của hợp đồng tương ứng với số tiền 187.880.000 đồng và lãi tính từ ngày 30/6/2022 đến 23/6/2025 là 35 tháng 23 ngày là 55.970.000 đồng.

3. Ngày 11/7/2022, Công ty TNHH C1 và Công ty TNHH C1 ký kết Hợp đồng số 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP; Số lượng: 92 cây, trong đó: 06 cây sò đo cam, 35 cây sứ lá tù, 32 cây sứ đại đỏ, 02 cây bàng, 17 cây tím làn; Công trình: Khu D (S.R); Hạng mục: cung ứng trồng và chăm sóc cây xanh đợt 3; Địa điểm: Bãi Biểm xã T - TP . - tỉnh Quảng Nam; Với tổng giá trị hợp đồng là: 3.808.897.000 đồng.

Theo Bảng xác định giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng giai đoạn thanh toán lần 3/2023 thì giá trị hoàn thành 68,8% tương ứng với số tiền 2.618.934.000 đồng, đã thanh toán 2.082.734.000 đồng, còn nợ 536.200.000 đồng, đã xuất hóa đơn ngày 29/11/2023 nhưng chưa thanh toán và lãi tính từ ngày 30/11/2023 đến 23/6/2025 là 18 tháng, 23 ngày số tiền 83.780.000 đồng.

4. Ngày 03/01/2023 Công ty TNHH C1 và Công ty TNHH C1 ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02/2023/HĐMB/ĐCST-CLP; Công trình: Trang trí đường hoa xuân Quý Mão năm 2023; Địa điểm: Công viên trước cổng trường T2 và công viên ngã ba đường nội thị, thị trấn T - huyện N - Tỉnh Quảng Nam; Với tổng giá trị hợp đồng: 314.881.822 đồng;

Đồng thời ký Hợp đồng số 03/2023/HĐMB/ĐCST-CLP; Công trình: Trang trí đường hoa xuân Quý Mão năm 2023; Địa điểm: Đường vào trung tâm hành chính H3, thị trấn T - huyện N - Tỉnh Quảng Nam; Với tổng giá trị: 365.424.483 đồng.

Vào ngày 14/2/2023, Công ty TNHH C1 đã thanh toán hai hợp đồng trên. Tuy nhiên, ông Lê Hà T có mượn lại của bà Trần Thị Hồng Á số tiền 373.215.000 đồng, đến nay ông T vẫn chưa trả và tiền lãi tính từ ngày 28/2/2023 đến ngày 31/10/2024 là 20 tháng với số tiền 62.202.500 đồng. Tổng cộng: 435.417.500 đồng.Do số tiền này ông T mượn tiền cá nhân của bà Á để thanh toán vào hóa đơn của Công ty nên bà Á đưa chung vào nội dung khởi kiện này.

5. Ngày 09/01/2023, Công ty TNHH C1 và Công ty TNHH C1 ký kết Hợp đồng mua bán số 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP; Công trình: trồng cây xanh tại khu khai thác quỹ đất tổ B và sân vận động, địa điểm: Thị trấn T - huyện N - tỉnh Quảng Nam; Với tổng giá trị hợp đồng là 461.500.000 đồng.

Đến ngày 28/02/2023, bên bán đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000003. - Mẫu số - Ký hiệu: 1C23TLP với giá trị: 461.500.000 đồng nhưng bên mua chưa chi trả và tiền lãi tính từ ngày 28/2/2023 đến 23/6/2025 là 27 tháng 23 ngày số tiền 106.120.000 đồng.

6. Tháng 12 năm 2021 Công ty TNHH C1 và Công ty TNHH C1 ký kết Hợp đồng thi công số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP; Dự án: Khu đô thị S; Số lượng: Cỏ, diện tích 28,777,538m$^2$; Hạng mục: Dải phân cách đường Tơ lụa**;** Địa điểm: Phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Với tổng giá trị: 582.595.200 đồng. Tuy nhiên, bên bán đã xuất hóa đơn ngày 28/10/2024 là 620.290.004 đồng dôi ra theo yêu cầu của bên mua nên phải chịu thuế VAT. Ngày 16/01/2025, bên mua đã trả 55.000.000 đồng, bên mua yêu cầu hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng. Vì vậy, bên mua còn nợ 517.995.000 đồng.

Đến ngày 07/4/2023, hai bên lập Biên bản số 01/2023/ĐVSD nghiệm thu giai đoạn thi công đưa vào sử dụng. Kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng và hết thời hạn bảo hành 01 năm theo hợp đồng nhưng bên mua vẫn chưa thanh toán số tiền 517.995.000 đồng và lãi tính từ ngày 30/4/2023 đến ngày 23/6/2025 là 25 tháng 23 ngày với số tiền 111.150.000 đồng.

7. Bảo hành cù lao Chàm theo hai Hợp đồng số 005/2021/HĐ/OLP-ĐCST ngày 02/02/2021 và Hợp đồng số 012/2021/HĐ/OLP-ĐCST ngày 17/3/2021.

Hai bên có Biên bản bàn giao vào ngày 03/5/2024 với tổng số lượng 738 cây, trong đó có: 513 cây dừa xiêm lửa, 02 cây sầu đông, 46 cây móng bò, 27 cây lộc vừng, 08 cây tím vàng lộc vừng hoa chùm, 18 cây xoài biển, 10 cây phượng vĩ, 02 cây sanh, 05 cây gùi - si quả nhỏ, 19 cây bằng lăng núi, 32 cây bằng lăng nước, 36 cây xoài ta, 01 cây ngọc lan trắng, 16 cây lim xẹt, 02 cây mít và 01 cây khế với số tiền 372.868.643 đồng. Hiện tại đến nay bên mua vẫn chưa thanh toán và tiền lãi tính từ ngày 31/5/2024 đến ngày 23/6/2025 là 12 tháng, 23 ngày với số tiền 39.170.000 đồng.

Đối với hai hợp đồng 005 và 012, gói bảo hành này thì trước đây, ông Diệp Tấn Thái H1 ký hợp đồng với Công ty C1 nên bên Công ty C1 không nắm rõ.

Công ty C1 chỉ có Hợp đồng số 02/2021/HĐ/ĐCST-VƯHN ngày 22/02/2021, Hợp đồng thi công số 03/2021/HĐ/ĐCST-VƯHN tháng 3/2021 giữa Công ty C1 (người đại diện ông Diệp Tấn Thái H1) đã bàn giao lại cho Chồi Lộc P. Sau đó giữa Công ty C1 ký Hợp đồng kinh tế không số năm 2021/HĐKT ngày 08/11/2021. Đồng thời Công ty C1 ký bổ sung Hợp đồng mua bán số 06/2021/HĐ/ĐCST-CLP ngày 10/11/2021 với Công ty C1 để bảo hành.

Để đảm bảo thi công được về việc bảo hành này bên Công ty C1 yêu cầu rất nghiêm khắc, cụ thể: được sự đồng ý của Công ty C1 mới được chở cây ra đảo để thay thế cây chết; nghiệm thu đủ quy cách, kích thước đúng yêu cầu mới chở cẩu vô trồng.

Công ty C1 có Biên bản nghiệm thu cây vào các ngày 05/9/2023, 15/7/2023, 29/5/2023, 04/4/2023 (9 cây), 04/4/2023 (22 cây), 12/3/2023, 10/3/2023, 13/02/2023, 10/02/2023, 13/01/2023 (27 cây), 13/01/2023 (14 cây), 13/11/2022, 31/8/2022 (56 cây), 31/8/2022 (12 cây), 21/8/2022, 13/8/2022 giữa chủ đầu tư và bên Công ty C2 Phát đạt quy cách, tiêu chuẩn thì mới cho Công ty C1 trồng.

Như vậy, tính từ ngày bàn giao, xuất hóa đơn cho đến nay Công ty C1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty C1 thanh toán nhưng vẫn luôn tránh né, bất hợp tác, cố tình chây ì, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty C1. Vì vậy, Công ty C1 đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH C1 thanh toán tổng số tiền là 2.760.425.643 đồng (Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.301.065.643 đồng, nợ lãi: 459.360.000 đồng.

Đối với Hợp đồng số 02, số 03 nêu trên, Công ty TNHH C1 yêu cầu ông Lê Hà T trả số tiền gốc là 373.215.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/2/2023 đến ngày 31/10/2024 số tiền là 62.202.500 đồng, tổng cộng 435.417.500 đồng. Nay Công ty TNHH C1 rút yêu cầu khởi kiện để sau này làm đơn khởi kiện riêng đối với ông Lê Hà T.

*Đối với một số ý kiến của Công ty C1 thì Công ty C1 có ý kiến như sau:*

- Đối với Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 07/5/2022, tổng 338 cây dừa; Hợp đồng mua bán số 02/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 28/5/2022: 88 cây sala, Công ty C1 đã đào lỗ, Công ty C1 chỉ đưa cây đến trồng, Công ty C1 không yêu cầu Công ty C1 hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, sơ đồ, hồ sơ thanh toán. Sau đó, Công ty C1 đã có Biên bản nghiệm thu giao cho Công ty C1 và 2 bên đã ký. Về 104 cây dừa ông T (Giám đốc Công ty C1) yêu cầu xuất hoá đơn nên Công ty C1 mới xuất hóa đơn.

- Đối với Hợp đồng số 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 11/7/2022 ông T - Giám đốc Công ty C1 yêu cầu Công ty C1 xuất hoá đơn nên Công ty mới xuất hoá đơn số tiền 536.200.000 đồng nhưng chưa trả. Công ty C1 cung cấp Biên bản nghiệm thu cây vào các ngày 05/9/2023, 15/7/2023, 29/5/2023, 04/4/2023 (9 cây), 04/4/2023 (22 cây), 12/3/2023, 10/3/2023, 13/02/2023, 10/02/2023, 13/01/2023 (27 cây), 13/01/2023 (14 cây), 13/11/2022, 31/8/2022 (56 cây), 31/8/2022 (12 cây), 21/8/2022, 13/8/2022 giữa chủ đầu tư và Công ty C2, tiêu chuẩn thì mới cho Công ty C1 trồng.

- Đối với Hợp đồng 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP ký ngày 09/01/2023, bên mua không yêu cầu bên bán hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, sơ đồ, hồ sơ thanh toán. Sau đó bên mua đã có Biên bản nghiệm thu, hai bên đã ký và bên bán đã xuất hoá đơn theo yêu cầu của bên mua.

- Đối với Hợp đồng số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP ký tháng 12/2021, bên mua không yêu cầu bên bán hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, sơ đồ, hồ sơ thanh toán. Sau đó bên mua đã có Biên bản nghiệm thu, hai bên đã ký và bên bán đã xuất hoá đơn theo yêu cầu của bên mua.

Trong hợp đồng quy định: Trồng và chăm sóc trong vòng 01 tháng rồi bàn giao cho Công ty C1. Sau đó chủ đầu tư xuống nhận, yêu cầu cỏ phải đan kín đất. Từ đó ông T kéo thêm thời gian 30 tháng mới đưa Biên bản nghiệm thu cho Công ty C1 và hai bên đã ký. Theo Bảng tạm tính chi phí, Công ty C1 đã bỏ ra để bàn giao cỏ lá gừng với tổng số tiền 278.950.000 đồng, Công ty C1 cho rằng Hợp đồng số 005/2021/HĐ/OLP-ĐCST và 012/2021/HĐ/OLP-ĐCST là các hợp đồng của bên Công ty C1 với bên A (đại diện Chủ đầu tư), không liên quan đến Công ty C1 là không đúng.

** Bị đơn Công ty TNHH C1, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Lê Hà T trình bày:*

1. Hợp đồng 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 07/5/2022:

Hồ sơ đã hoàn thành là 104 cây dừa. Chủ đầu tư đã thanh toán 70% và Công ty TNHH C1 đã thanh toán đủ cho nhà thầu 178.976.000 đồng (Hoá đơn xuất ngày 28/10/2022 với giá trị 255.680.000 đồng); còn các cây dừa còn lại Công ty TNHH C1 chưa có hồ sơ nghiệm thu chất lượng (biên bản nghiệm thu, bản vẽ hoàn công, nhật ký thi công), chưa có bảng tính giá trị thanh toán, văn bản đề nghị thanh toán nên chưa đủ điều kiện thanh toán. Trong hợp đồng này thực tế Công ty C1 có cung cấp 10 cây bàng Đài Loan, tuy nhiên Công ty C1 chưa có hồ sơ nghiệm thu, chưa làm thanh toán. Biên bản giao nhận 10 cây bàng lá nhỏ do bên Công ty C1 cung cấp: không có số biên bản, không có ngày giờ giao nhận,… (có khoanh và ghi chú màu đỏ lên bản sao tài liệu kèm theo). Biên bản này cũng không chuyển về báo cáo cho Giám đốc Công ty C1, chưa làm hồ sơ thanh toán theo yêu cầu trong hợp đồng. Vì vậy, Công ty C1 đã thanh toán theo nội dung hợp đồng đối với 104 cây dừa. Toàn bộ số lượng cây còn lại chưa hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, chưa có hồ sơ thanh toán của Công ty C1 và chưa thanh toán được với chủ đầu tư. Ngoài ra, hiện trạng thực tế cây chết nhiều, Công ty C1 cần đi kiểm đếm lại với Công ty C1, thay thế cây chết … mới tiếp tục làm hồ sơ nghiệm thu, thanh toán được.

Về Biên bản nghiệm thu số 01/2022/NTCX của Công ty C1 cung cấp, chưa có ngày giờ nghiệm thu cụ thể, đối tượng nghiệm thu chỉ có nghiệm thu đầu vào khác với tiêu đề (có cả trồng cây); không có bản vẽ vị trí trồng cây kèm theo; địa điểm nghiệm thu ghi "Vệt đường M, phường H, quận N" là không chính xác (không phải vị trí thi công cây dừa), phần 4d (đối tượng nghiệm thu) ghi cây Sala là sai đối tượng nghiệm thu, một số nội dung còn sơ sài, … (có khoanh và ghi chú màu đỏ lên bản sao tài liệu kèm theo). Biên bản này cũng không chuyển về báo cáo cho giám đốc Công ty C1, chưa làm hồ sơ thanh toán theo yêu cầu trong hợp đồng.

2. Hợp đồng số 02/2022/HĐ/ĐCST-CLP ký ngày 28/5/2022:

Khối lượng 88 cây Sala nhà thầu Công ty C1 chưa có hồ sơ nghiệm thu chất lượng đầu vào, biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác trồng cây, bản vẽ vị trí trồng cây. Thực tế cây chưa đạt yêu cầu và Chủ đầu tư không đồng ý nghiệm thu nên chưa đủ điều kiện nghiệm thu, thanh toán.

Về Biên bản nghiệm thu 01/2022/NTCX ngày 22/6/2022 bên Công ty C1 nêu trong Bản tự khai thì bên Công ty C1 chưa nhận được (Hồ sơ sao lục cũng không thấy).

3. Hợp đồng số 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP ký ngày 11/7/2022:

Hợp đồng này bao gồm cung cấp, trồng và chăm sóc cây xanh tại dự án trên đảo C. Bên Công ty C1 đã thanh toán đợt 1 và 2 cho bên Công ty C1 theo đúng tiến độ thanh toán của Chủ đầu tư. Trong quá trình thực hiện, bên Công ty C1 không thanh toán cho nhân công thi công gói thầu, bên Công ty C1 đã phải thanh toán giúp (có xác nhận của Công ty C1) các chi phí từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 (thanh toán giúp bằng tài khoản cá nhân). Đến nay bên bán cũng chưa thanh toán lại cho bên mua các khoản này và bên mua cũng chưa khấu trừ được các chi phí này.

Cụ thể: Theo Bảng tạm tính chi phí bên Công ty C1 đã bỏ ra để bàn giao cây xanh Cù Lao C, kèm bảng công tháng 01, 02/2024 của Dự án Cù Lao C với tổng số tiền 405.530.000 đồng sau khi nhận được hồ sơ quyết toán của bên bán. Tuy nhiên, từ tháng 01/2024 bên bán không tiếp tục thực hiện các công việc trong hợp đồng, bên mua bằng chi phí của mình phải tiếp quản lại công việc còn dở dang và triển khai tiếp cho đến thời điểm này. Do bên bán đã vi phạm hợp đồng nên chưa có cơ sở để yêu cầu bên mua thanh toán bất cứ khoản nào cho bên bán. Hiện trạng hiện nay cây trồng bị hao hụt nhiều, cần phối hợp hai bên để đi kiểm đếm và bàn giao cho Chủ đầu tư rồi mới tiến hành quyết toán chi phí được.

4. Hợp đồng số 02/2023/HĐMB/ĐCST-CLP và 03/2023/HĐMB/ĐCST-CLP:

Hợp đồng này đã hoàn thành các nội dung theo hợp đồng, bên Công ty C1 đã thanh toán đầy đủ theo yêu cầu cho Công ty C1 (đã thanh toán đủ trong ngày 14/02/2023). Trong bảng tự khai có thông tin ông Lê Hà T mượn tiền của bà Trần Thị Hồng Á là không đúng sự thật.

5. Hợp đồng 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP ký ngày 09/01/2023:

Hợp đồng này cung cấp cây xanh tại huyện N, Quảng Nam. Bên Công ty C1 chưa được thanh toán với đối tác. Bên Công ty C1 chưa cung cấp hồ sơ thanh toán theo yêu cầu, chưa có biên bản giao nhận hợp lệ.

Về Biên bản giao nhận ngày 20/03/2023: Địa điểm tiêu đề ghi "Đà Nẵng" là không đúng với địa điểm công trình; thời gian xuất hóa đơn là ngày 28/02/2023 nhưng biên bản giao nhận ngày 20/3/2023 là không hợp lý, sai cơ bản (với biên bản nghiệm thu chất lượng thì có thể xuất hóa đơn trước, nghiệm thu sau, tuy nhiên đây là biên bản giao nhận bắt buộc phải có trước hoặc cùng ngày xuất hóa đơn. Biên bản này cũng

không chuyển về báo cáo cho giám đốc Công ty C1, chưa làm hồ sơ thanh toán theo yêu cầu trong hợp đồng.

6. Hợp đồng số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP ký ngày 25/12/2021:

Gói thầu này thi công trồng cỏ lá gừng trên dải phân cách đường B H. Nhà thầu Công ty C1 có triển khai công việc, tuy nhiên khi đi nghiệm thu với chủ đầu tư không đạt yêu cầu. Sau đó Công ty C1 cũng không thực hiện công tác chăm sóc theo yêu cầu, bên Công ty C1 đứng ra tổ chức tự thi công từ tháng 06/2022 đến khi hoàn thành, nếu không chủ đầu tư sẽ hủy gói thầu, không thanh quyết toán. Gần đây, đến tháng 10/2024, bên Công ty C1 mới thực hiện xong quyết toán với chủ đầu tư. Bên Công ty C1 chưa chuyển cho bên Công ty C1 hồ sơ thanh quyết toán theo yêu cầu.

Đến ngày 11/11/2023 bên Công ty C1 mới xuất hoá đơn đầu vào cho Công ty C1 để hoàn thiện thủ tục, việc xuất hoá đơn này không đồng nghĩa với trách nhiệm phải hoàn thiện hồ sơ quyết toán theo quy định.

Về Biên bản nghiệm thu ngày 07/4/2023: Phiếu yêu cầu ngày 05/4/2023 không đúng mẫu, không có tiêu đề, số hiệu; biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (07/4/2023) nhưng không có pháp nhân hai bên ký đóng dấu; trong phần kết luận của Biên bản (Mục 5) không có đánh dấu vào ô chấp thuận nghiệm thu, các thông tin hợp đồng không rõ ràng, đầy đủ theo yêu cầu, không có hồ sơ kèm theo như bản vẽ hoàn công, nhật ký thi công, các biên bản thành phần (trồng/chăm sóc), …(có khoanh và ghi chú màu đỏ lên bản sao tài liệu kèm theo). Biên bản này cũng không được chuyển về báo cáo cho Công ty C1 kèm văn bản đề nghị thanh toán, kèm các hồ sơ bản vẽ hoàn công, đo đạc kích thước, bảng tính, … chưa làm hồ sơ thanh toán theo yêu cầu trong hợp đồng.

Theo Bảng tạm tính chi phí bên Công ty C1 bỏ ra để bàn giao cỏ lá gừng với tổng số tiền 278.950.000 đồng sau khi nhận được hồ sơ quyết của Công ty C1.

7. Hợp đồng số 005/2021/HĐ/OLP-ĐCST và 012/2021/HĐ/OLP-ĐCST là các hợp đồng của bên Công ty C1 với bên A (đại diện Chủ đầu tư), không liên quan đến Công ty C1. Hai hợp đồng này, Công ty C1 ký với Vườn ươm C1 (người đại diện ông Diệp Tấn Thái H1), Công ty C1 sẽ giải quyết với ông H1 chứ không phải với Công ty C1.

Đối với Hợp đồng mua bán số 06/2021/HĐ/ĐCST-CLP ngày 10/11/2021 giữa Công ty C1 và Công ty C1 mà bà Á giao nộp cho Toà án thì hợp đồng này không phát sinh quyền, nghĩa vụ, bà Á nhờ ký để Công ty C1 làm hồ sơ năng lực cho Công ty.

** Tại Bản trình bày ngày 25/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Tấn Thái H1 là chủ Vườn Ươm H trình bày:*

Trước đây, ông có ký kết thi công cung ứng cây xanh gói 1, 2, khu Du lịch sinh thái biển Cù Lao C tại B, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam với Công ty TNHH C1. Ông đã hoàn thành xong việc cung cấp và trồng cây trong hợp đồng. Đến thời điểm bảo

hành, ông không đảm bảo được nên đến ngày 18/11/2021, ông có ký kết với Công ty C1 do bà Trần Thị Hồng Á làm giám đốc tiếp tục thực hiện việc đảm nhận bảo hành với giá trị còn lại là 15% giá trị hợp đồng gói 1 và gói 2, đồng thời có trồng phát sinh 15 cây lim xẹt ngoài hợp đồng với tổng giá trị là 372.868.643 đồng. Đến nay việc bảo hành của Công ty C1 đã hoàn thiện và bàn giao cho Công ty C1.

Về việc Công ty C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty C1 trả lại số tiền 372.868.643 đồng bảo hành gói 1, 2, trồng phát sinh 15 cây lim xẹt và lãi tính từ ngày 31/5/2024 đến 31/10/2024 là 15.000.000 đồng là phù hợp. Vì mọi việc trong gói bảo hành ông đã chuyển và bàn giao lại cho Công ty C1 trực tiếp chăm sóc và bảo hành. Thực tế Công ty C1 đã bảo hành, bàn giao cho Công ty C1 và Công ty C1 đã nghiệm thu, bàn giao cho chủ đầu tư.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Ngọc H, ông Phạm Việt H2, ông Võ Ngọc K vắng mặt nên không có bản trình bày và Tòa án không ghi nhận được ý kiến.*

*Với nội dung nêu trên Bản án sơ thẩm quyết định như sau:*

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 217; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 513, khoản 1 Điều 519 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 74, khoản 1 Điều 85, Điều 87, Điều 306 Luật Thương mại; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng thi công*" đối với Công ty TNHH C1.

1. Buộc Công ty TNHH C1 phải thanh toán cho Công ty TNHH C1 tổng số tiền là 2.760.425.643 đồng (Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 2.301.065.643 đồng, nợ lãi: 459.360.000 đòng. Cụ thể:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 07/5/2022: Nợ gốc: 224.622.000 đồng và lãi tính từ ngày 31/8/2022 đến ngày 23/6/2025 là 33 tháng, 23 ngày: 63.170.000 đồng.

- Hợp đồng mua bán số 02/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 28/5/2022: Nợ gốc: 187.880.000 đồng và lãi tính từ ngày 30/6/2022 đến ngày 23/6/2025 là 35 tháng, 23 ngày: 55.970.000 đồng.

- Hợp đồng số 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 11/7/2022: Nợ gốc: 536.200.000 đồng và lãi tính từ ngày 30/11/2023 đến ngày 23/6/2025 là 18 tháng, 23 ngày: 83.780.000 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP ngày 09/01/2023: Nợ gốc: 461.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/2/2023 đến 23/6/2025 là 27 tháng, 23 ngày: 106.120.000 đồng.

- Hợp đồng thi công số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP tháng 12/2021: Nợ gốc: 517.995.000 đồng và lãi tính từ ngày 30/4/2023 đến ngày 23/6/2025 là 25 tháng, 23 ngày: 111.150.000 đồng.

- Hợp đồng số 005/2021/HĐ/OLP-ĐCST ngày 02/02/2021 và Hợp đồng số 012/2021/HĐ/OLP-ĐCST ngày 17/3/2021 bảo hành Cù Lao C: Nợ gốc: 372.868.643 đồng và lãi tính từ ngày 31/5/2024 đến ngày 23/6/2025 là 12 tháng, 23 ngày: 39.170.000 đồng.

Công ty TNHH C1 có nghĩa vụ xuất hóa đơn cho Công ty TNHH C1 đối với số tiền còn nợ của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01, số 02, số 005 và số 012 nêu trên.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty C1 đối với Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02/2023/HĐMB/ĐCST-CLP ngày 03/01/2023 kèm theo Phụ lục 01 và hợp đồng số 03/2023/HĐMB/ĐCST-CLP ngày 03/01/2023.

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) Công ty TNHH C1 phải chịu; Công ty TNHH C1 đã tạm ứng và chi phí xong nên Công ty TNHH C1 có nghĩa vụ hoàn trả lại Công ty TNHH C1 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Về án phí:

Công ty TNHH C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 87.208.513 đồng (Tám mươi bảy triệu hai trăm không tám ngàn năm trăm mười ba đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 43.719.882 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm mười chín nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng) cho Công ty TNHH C1 đã nộp theo Biên lai thu số 0005860 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm quyết định về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3 bị kháng cáo, kháng nghị như sau:

Ngày 05/9/2025, bị đơn Công ty TNHH C1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản sơ thẩm, không chấp nhận trả số tiền gốc và lãi theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Công ty TNHH C1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các điều khoản của các hợp đồng đã ký kết.

Ngày 06/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng kháng nghị Bản án sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, đề nghị:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C1 buộc Công ty TNHH C1 trả số tiền 372.868.643 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C1 về việc buộc Công ty TNHH C1 trả số tiền lãi chậm trả lãi được tính trên số tiền gốc mà nguyên đơn chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với Hợp đồng 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 07/5/2022, Hợp đồng 02/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 28/5/2022, Hợp đồng 005/2021/HĐ/ĐCST-CLP ngày 02/02/2021 và Hợp đồng 012/2021/HĐ/ĐCST-CLP ngày 17/3/2021.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C1 về việc buộc Công ty TNHH C1 trả số tiền lãi chậm trả được tính trong thời gian mà hai bên thỏa thuận về tiến độ thanh toán các hợp đồng gồm: Hợp đồng 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 11/7/2022, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP ngày 09/01/2023 và Hợp đồng thi công số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP tháng 12 năm 2021.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về tố tụng:*

[1] Ngày 05/9/2025, bị đơn Công ty TNHH C1 nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 3 đối với các đương sự trong vụ án, tuy nhiên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Tấn Thái H1, ông Phạm Việt H2, ông Võ Ngọc K nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Bùi Ngọc H vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

*Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty TNHH C1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thì thấy:*

Từ tháng 5 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023 giữa Công ty TNHH C1 (bên bán) và Công ty TNHH C1 (bên mua) có ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng thi công sau đây:

[3] Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 07/5/2022 kèm theo Phụ lục 01, 02:

Theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận bên bán cung ứng và trồng cây cho bên mua tổng giá trị hợp đồng là 566.825.000 đồng, trong đó: 242 cây dừa trị giá 525.140.000 đồng, 25 cây bàng trị giá 37.500.000 đồng, 09 cây hồng trị giá 1.620.000 đồng, 57 cây nhung Nhật trị giá 2.565.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bên bán đã cung ứng và trồng đủ 242 cây dừa theo Biên bản số 01/2022/NTCX nghiệm thu cây và trồng cây năm 2022 (không ghi ngày tháng) trị giá là 525.140.000 đồng. Tuy nhiên bên bán chỉ yêu cầu bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán 70% giá trị của 242 cây dừa là 367.598.000 đồng (242 cây dừa x 2.170.000 đồng/cây x 70%); còn 30% giá trị bảo hành cây trồng, bên bán không yêu cầu bên mua thanh toán. Tuy nhiên bên mua chỉ thanh toán cho bên bán số tiền 157.976.000 đồng, còn nợ 209.622.000 đồng. Ngoài ra, thể hiện tại Biên bản giao nhận năm 2023 (không ghi ngày tháng), bên bán đã giao cho bên mua 10 cây bàng lá nhỏ trị giá 15.000.000 đồng (10 cây x 1.500.000 đồng/cây), số tiền này bên mua chưa thanh toán. Theo hợp đồng này, tổng số tiền bên mua chưa thanh toán cho bên bán là 224.622.000 đồng.

[4] Hợp đồng mua bán số 02/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 28/5/2022 kèm theo Phụ lục 01:

Theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận bên bán cung ứng cho bên mua 88 cây Sala trị giá 268.400.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 22/6/2022 hai bên lập Biên bản số 01/2022/NTCX nghiệm thu cây và trồng cây, bên bán đã bàn giao 88 cây Sala trị giá 268.400.000 đồng cho bên mua. Tuy nhiên bên bán chỉ yêu cầu bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán 70% giá trị của 88 cây Sala là 187.880.000 đồng (88 cây Sala x 3.050.000 đồng/cây x 70%), còn 30% giá trị bảo hành của 88 Sala, bên bán không yêu cầu bên mua thanh toán. Như vậy, theo hợp đồng này, bên mua chưa thanh toán cho bên bán là 187.880.000 đồng.

[5] Hợp đồng số 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 11/7/2022:

Hai bên thỏa thuận cung ứng, trồng và chăm sóc cây xanh tại B, xã T, H, Quảng Nam (cũ), tổng giá trị của Hợp đồng là 3.808.897.000 đồng (Ba tỷ, tám trăm lẻ tám triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Trong đó: bên bán cung ứng cây tại công trình gồm các loại cây trị giá 3.278.185.000 đồng; trồng cây trị giá 227.448.000 đồng; chăm sóc và bảo dưỡng cây trị giá 303.264.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán đã hoàn thành công việc theo hợp đồng thể hiện tại Bảng xác định giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng là 68,8% tương ứng với số tiền 2.618.934.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm mười tám triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Bên mua đã

thanh toán cho bên bán số tiền 2.082.734.000 đồng, còn nợ 536.200.000 đồng và bên bán đã xuất hóa đơn ngày 29/11/2023 nhưng bên mua chưa thanh toán.

[6] Hợp đồng mua bán hàng hóa số 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP ngày 09/01/2023 kèm theo Phụ lục 01:

Hợp đồng này, hai bên thỏa thuận, bên bán cung ứng cây xanh cho bên mua giá trị hợp đồng là 461.500.000 đồng, trong đó có 117 cây bàng Đài Loan trị giá 315.900.000 đồng và 52 cây sưa trị giá 145.600.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán đã bàn giao đủ cho bên mua 117 cây bàng Đài Loan và 52 cây sưa theo Biên bản bàn giao ngày 20/3/2023. Đến ngày 28/02/2023, bên bán đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000003. Mẫu số - Ký hiệu: 1C23TLP với giá trị: 461.500.000 đồng nhưng bên mua chưa thanh toán cho bên bán.

[7] Hợp đồng thi công số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP tháng 12/2021, kèm theo Phụ lục 01:

Theo nội dung hợp đồng, hai bên thỏa thuận, bên bán cung cấp, trồng và chăm sóc cỏ lá gừng cho bên mua tại Dải phân cách đường Tơ lụa - H, với khối lượng 29.424m$^2$ tổng giá trị hợp đồng là 582.592.200 đồng. Bên bán đã cung cấp, trồng và chăm sóc cỏ lá gừng với diện tích 28.777,538m$^2$ trị giá 517.995.684 đồng (28.777,538m$^2$ x 18.000.000 đồng/m$^2$); còn lại 646,462m$^2$ bên mua tự thi công. Ngày 05/4/2023 và ngày 07/4/2023, hai bên ký xác nhận việc nghiệm thu sau thời gian 01 tháng bên bán đã cung cấp và thi công cỏ lá gừng trên dải phân cách đường T - H là việc nghiệm thu đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế và đúng chỉ dẫn theo hợp đồng. Do đó, bên mua còn nợ bên bán số tiền 517.995.684 đồng chưa thanh toán.

[8] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tất cả các Hợp đồng trên, Công ty C1 chưa thanh toán cho Công ty C1 số tiền gốc 1.928.197.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[9] Đối với nội dung kháng cáo của Công ty C1 cho rằng, các hợp đồng nêu trên Công ty C1 chưa có hồ sơ nghiệm thu chất lượng, chưa có bảng tính giá trị thanh toán, văn bản đề nghị thanh toán nên chưa đủ điều kiện thanh toán; một số tài liệu, chứng cứ là Biên bản giao nhận do bên Công ty C1 cung cấp thì không có số biên bản, không có ngày giờ giao nhận và các biên bản này cũng không chuyển về báo cáo cho Giám đốc Công ty C1, chưa làm hồ sơ thanh toán theo yêu cầu trong hợp đồng nên Công ty C1 không có cơ sở để thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy, tất cả các hợp đồng nêu trên, Công ty C1 đã thực hiện đầy đủ các nội dung hai bên đã thỏa thuận và đều có biên bản nghiệm thu ký kết giữa hai bên. Mặc dù có một số biên bản nghiệm thu không ghi ngày tháng nhưng nội dung trong biên bản nghiệm thu đều khớp với nội dung về cung ứng số lượng và loại cây trồng trong hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của Công ty C1.

[10] Đối với Hợp đồng số thi công số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP tháng 12/2021, Công ty C1 kháng cáo cho rằng Công ty C1 có thực hiện nhưng không đạt yêu cầu và không chăm sóc nên Công ty C1 phải thuê nhân công thực hiện tiếp việc trồng cỏ lá

gừng nên không đồng ý thanh toán tiền cho Công ty C1. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù Công ty C1 chỉ thi công trồng cỏ lá gừng diện tích 28.777,538m$^2$ trên tổng diện tích được giao là 29.424m$^2$, tuy nhiên hai bên đã nghiệm thu đạt chất lượng, yêu cầu theo thiết kế và tại thời điểm đó Công ty C1 không có ý kiến gì về diện tích còn lại 646,462m$^2$ mà tự thi công. Do đó, Công ty C1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 517.995.684 đồng mà Công ty C1 đã thi công.

[11] Xét kháng cáo của Công ty C1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đối với 02 Hợp đồng số 02/2021/HĐ/ĐCST-VƯHN ngày 22/02/2021, Hợp đồng thi công số 03/2021/HĐ/ĐCST-VƯHN tháng 3/2021 giữa Công ty C1 thì thấy:

Công ty C1 đã ký hai Hợp đồng số 005/2021/HĐ/OLP-ĐCST ngày 02/02/2021 và Hợp đồng số 012/2021/HĐ/OLP-ĐCST ngày 17/3/2021 với Công ty TNHH O về cung ứng, trồng và chăm sóc cây xanh đợt 1 và 2 cho Công trình khu du lịch sinh thái biển Cù Lao C tại B, xã T, H, Quảng Nam. Trên cơ sở nhận thầu đối với hạng mục này thì Công ty C1 ký 02 Hợp đồng số 02/2021/HĐ/ĐCST-VƯHN ngày 22/02/2021 và Hợp đồng thi công số 03/2021/HĐ/ĐCST-VƯHN tháng 3 năm 2021 (không ghi ngày) đối với Vườn ươm Hồng Nhung để Vườn ươm Hồng N thực hiện việc cung ứng, trồng và chăm sóc cây xanh cho Công ty TNHH O. Quá trình thực hiện hai hợp đồng này, ông H1 - Chủ Vườn ươm Hồng N đã thực hiện cung ứng trồng cây còn phần bảo hành cây, ông H1 giao lại cho bà Trần Thị Hồng Á (Giám đốc Công ty C1) thực hiện. Ngày 08/11/2021, giữa đại diện V và Công ty C1 ký Hợp đồng (không ghi số) để Công ty C1 tiếp tục thực hiện việc bảo hành với 15% giá trị hợp đồng. Đồng thời Công ty C1 ký bổ sung Hợp đồng mua bán số 06/2021/HĐ/ĐCST-CLP ngày 10/11/2021 với Công ty C1 để bảo hành đối với hạng mục trên. Thực tế, Công ty C1 đã thực hiện trồng bổ sung tổng số lượng 738 cây, trong đó có 513 cây dừa xiêm lửa, 02 cây sầu đông, 46 cây móng bò, 27 cây lộc vừng, 08 cây tím vàng lộc vừng hoa chùm, 18 cây xoài biển, 10 cây phượng vĩ, 02 cây sanh, 05 cây gùi - si quả nhỏ, 19 cây bằng lăng núi, 32 cây bằng lăng nước, 36 cây xoài ta, 01 cây ngọc lan trắng, 16 cây lim xẹt, 02 cây mít và 01 cây khế thể hiện tại Biên bản bàn giao vào ngày 03/5/2024 giữa chủ đầu tư và Công ty C1. Tổng giá trị các cây trồng là 372.868.643 đồng. Mặt khác, ông H1 - Chủ Vườn Ươm Hồng Nhung xác định, sau khi không tiếp tục bảo hành gói 1 và 2 của Khu du lịch Cù Lao C thì ông đã làm việc với ông Lê Hà T - Giám đốc Công ty C1 để cho Công ty C1 tiếp tục thực hiện gói bảo hành này và ông T đã đồng ý nên Công ty C1 mới thực hiện, do vậy ông H1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc Công ty C1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty C1 và ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì với Công ty C1 về sau. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T ông cho rằng hợp đồng ông ký với ông H1, không liên quan đến bà Á nhưng ông T thừa nhận có việc Công ty bà Á chở cây ra đảo để trồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty C1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 372.868.643 đồng cho Công ty C1 là có căn cứ. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 và Công ty C1 cho rằng Công ty C1 không ký Hợp đồng trực tiếp với Công ty C1 nên không có quyền khởi kiện đối với Công ty C1 là không có cơ

sở. Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 và kháng cáo này Công ty C1.

[12] Đối với tiền lãi mà Công ty C1 yêu cầu Công ty C1 phải thanh toán với tổng số tiền của các hợp đồng nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các Hợp đồng số 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 07/5/2022, Hợp đồng 02/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 28/5/2022, Hợp đồng số 06/2021/HĐ/ĐCST-CLP ngày 10/11/2021 đều chưa được xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Theo thỏa thuận của các Hợp đồng này hai bên thỏa thuận điều kiện để bên mua thanh toán tiền thì bên bán phải cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán, trong đó có hóa đơn của hàng hóa. Tuy nhiên các Hợp đồng này bên bán là Công ty C1 đều chưa xuất hóa đơn cho bên mua. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty C1 phải thanh toán số tiền lãi chậm trả của các hợp đồng này tính từ thời điểm nghiệm thu là không có căn cứ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 kháng nghị phần này là có căn cứ.

- Đối với các Hợp đồng 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 11/7/2022, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP ngày 09/01/2023 và Hợp đồng thi công số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP tháng 12 năm 2021: Tại Điều 3 của các Hợp đồng 05/2022 và hợp đồng 04/2023 hai bên thỏa thuận, bên mua thanh toán tiền hàng cho bên bán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bên mua nhận hồ sơ thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng; đối với Hợp đồng 07/2021 thì tại Điều 6 của Hợp đồng, hai bên thỏa thuận trong vòng 50 ngày làm việc kể từ ngày bên mua nhận hồ sơ thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn kể từ ngày xuất hóa đơn là không đúng thỏa thuận của các hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty C1 thống nhất kháng nghị của Viện kiểm sát về phần tiền lãi đối với các hợp đồng nêu trên và mức lãi nguyên đơn yêu cầu tính là 10%/năm đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về nội dung này. Cụ thể về phần lãi chậm trả được tính như sau:

- Hợp đồng số 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 11/7/2022 (xuất hóa đơn ngày 29/11/2023): Nợ gốc: 536.200.000đ và lãi tính từ ngày 09/12/2023 đến ngày 23/7/2025 là 86.232.712 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP ngày 09/01/2023 (xuất hóa đơn ngày 28/02/2023): Nợ gốc: 461.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/3/2023 đến 23/7/2025 là 108.863.425 đồng.

- Hợp đồng thi công số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP tháng 12/2021 (xuất hóa đơn ngày 28/10/2024): Nợ gốc: 517.995.000 đồng và lãi tính từ ngày 18/12/2024 đến ngày 23/7/2025 là 27.957.538 đồng.

[13] Vậy tổng số tiền Công ty C1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 là: 2.524.119.318 đồng, trong đó tiền gốc 2.301.065.643 đồng, tiền lãi là 223.053.675 đồng.

[14] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH C1 và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

[15] Về án phí: Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần tính lãi nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty C1 phải chịu trên số tiền buộc trả 2.524.119.318 đồng là 82.482.386 đồng. Do chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty C1 nên Công ty C1 không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 513, khoản 1 Điều 519 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 74, khoản 1 Điều 85, Điều 87, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng; chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH C1.

II. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C1 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng thi công" đối với Công ty TNHH C1.

1. Buộc Công ty TNHH C1 phải thanh toán cho Công ty TNHH C1 tổng số tiền là 2.524.119.318 đồng (Hai tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, một trăm mười chín nghìn, ba trăm mười tám đồng). Trong đó: Tiền gốc: 2.301.065.643 đồng, tiền lãi: 223.053.675 đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 07/5/2022: Tiền gốc: 224.622.000 đồng.

- Hợp đồng mua bán số 02/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 28/5/2022: Nợ gốc: 187.880.000 đồng.

- Hợp đồng mua bán số 06/2021/HĐ/ĐCST-CLP ngày 10/11/2021 (liên quan đến Hợp đồng số 005/2021/HĐ/OLP-ĐCST ngày 02/02/2021; Hợp đồng số

012/2021/HĐ/OLP-ĐCST ngày 17/3/2021, Hợp đồng số 02/2021/HĐ/ĐCST-VƯHN ngày 22/02/2021 và Hợp đồng thi công số 03/2021/HĐ/ĐCST-VƯHN tháng 3 năm 2021 về bảo hành cây trồng cho Khu D): Nợ gốc: 372.868.643 đồng.

- Hợp đồng số 05/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 11/7/2022: Nợ gốc: 536.200.000đ và lãi tính từ ngày 09/12/2023 đến ngày 23/7/2025 là 86.232.712 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 04/2023/HĐ/ĐCST-CLP ngày 09/01/2023: Nợ gốc: 461.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/3/2023 đến 23/7/2025 là 108.863.425 đồng.

- Hợp đồng thi công số 07/2021/HĐ/ĐCST-CLP tháng 12/2021: Nợ gốc: 517.995.000 đồng và lãi tính từ ngày 18/12/2024 đến ngày 23/7/2025 là 27.957.538 đồng.

Công ty TNHH C1 có nghĩa vụ xuất hóa đơn cho Công ty TNHH C1 đối với số tiền còn nợ của các Hợp đồng Hợp đồng số 01/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 07/5/2022, Hợp đồng 02/2022/HĐ/ĐCST-CLP ngày 28/5/2022, Hợp đồng số 06/2021/HĐ/ĐCST-CLP ngày 10/11/2021.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) Công ty TNHH C1 phải chịu; Công ty TNHH C1 đã tạm ứng và chi phí xong nên Công ty TNHH C1 có nghĩa vụ hoàn trả lại Công ty TNHH C1 số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH C1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 82.482.386 đồng (T1 mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 43.719.882 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm mười chín nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng) cho Công ty TNHH C1 đã nộp theo Biên lai thu số 0005860 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - thành phố Đà Nẵng)

III. Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH C1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH C1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002522 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

IV. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân khu vực 3;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Phi Yến**